

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2025

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;
2. Ông Võ Văn Thành.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4- Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Đặng Quang Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 16-5-2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-6-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 14-7-2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Huỳnh Như T, sinh năm 1970. Địa chỉ: I N, tổ C, khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai)

2. *Bị đơn:* bà Đỗ Thị Kim P, sinh năm 1976. Địa chỉ: I N, tổ C, khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai)

(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản công khai tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn là ông Nguyễn Như T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Như T1 và bà Đỗ Thị Kim P tự nguyện chung sống với nhau, thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, tx. L, tỉnh Đồng Nai (cũ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 06-7-2004.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến không có tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không dung hòa được trong cuộc sống. Bà P thường xuyên chửi bới, đánh đập đuổi ông T1 ra khỏi nhà. Ông T1, bà

P đã sống ly thân hai năm nay. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên ông T1 yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Kim P.

Về con: vợ chồng có 02 người con chung cháu Huỳnh Thị Bảo T2, sinh ngày 12/02/1995 và Huỳnh Thị Bảo P1, sinh năm 2000. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

** Theo Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim P2 trình bày: .*

Về quan hệ hôn nhân: bà P2 thừa nhận, về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân đúng như ông T1 đã trình bày, vợ chồng tự nguyện kết hôn vào năm 2004, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, việc kết hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về lối sống, không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện ông bà đã sống ly thân với nhau 02 năm nay. Đến thời điểm hiện nay, bà P2 xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Ông T1 yêu cầu ly hôn bà đồng ý, tuy nhiên bà không đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn. Bà P2 đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Về con: vợ chồng có 02 người con chung cháu Huỳnh Thị Bảo T2, sinh ngày 12/02/1995 và Huỳnh Thị Bảo P1, sinh năm 2000. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà P2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: bà P2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, làm việc với những người làm chứng để làm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, kết quả xác minh như sau:

Tại Biên bản lấy lời khai đối với bà Huỳnh Thị V (em gái của ông T1) có nội dung: bà V cho biết bà là em gái ruột của ông T1. Sau khi ông T1, bà P2 kết hôn thì về sinh sống tại phường X. Quá trình sinh sống ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau hai năm nay. Việc ly hôn là việc riêng của ông bà, bà V không có ý kiến. (Bút lục 21).

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: (1) Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn là ông T1, được ly hôn với bị đơn là bà P2; (2) Về con: đã trưởng thành nên không giải quyết; (3) Về tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: các đương sự khai không có, nên đề

ngợi không xem xét, giải quyết; (4) Về án phí: đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: ông Huỳnh Như T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị Kim P. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp cần giải quyết trong vụ án được xác định là: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà P có nơi cư trú tại: khu phố A, phường X, thành phố L (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai thừa nhận của các đương sự về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án và lời khai của những người làm chứng, có đủ cơ sở để xác định: quá trình sống chung, vợ chồng ông T, bà P đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho đời sống hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T, bà P đã ly thân hai năm nay. Bản thân bà P cũng đồng ý ly hôn với ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, thì yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà P là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con: đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản, nợ chung: ông T, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét; về nợ chung, ông T, bà P trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó ông T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Như T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: ông Huỳnh Như T được ly hôn với bà Đỗ Thị Kim P.

2. *Về con*: đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: không giải quyết.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: ông T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0018428 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đồng Nai).

6. *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND phường Long Khánh (GCNKH số: 60/2004 ngày 06-7-2024 (phường Xuân Trung cũ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy